

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định tạm thời mức giá đặt hàng dịch vụ xét nghiệm
SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2015;

Căn cứ Luật giá ngày 24/6/2012;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP; số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng Ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Y tế: số 37/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước; số 14/2019/TT-BYT ngày 15/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 37/2018/TT-BYT;

Căn cứ Quyết định số 1817/QĐ-BYT ngày 07/4/2021 của Bộ Y tế “về việc ban hành hướng dẫn tạm thời việc gộp mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2”;

Căn cứ Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Thực hiện Văn bản số 4356/BYT-KHTC ngày 28/5/2021 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn mức giá thanh toán chi phí thực hiện xét nghiệm COVID-19;

Theo đề nghị của Sở Y tế (Văn bản số 2704/TTr-SYT ngày 23/6/2021 và của Sở Tài chính (Văn bản số 3622/STC-QLG&CS ngày 25/6/2021).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Quy định tạm thời mức giá đặt hàng dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR làm cơ sở ký hợp đồng và tạm thanh toán chi phí đặt hàng xét nghiệm cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công trên địa bàn từ nguồn ngân sách nhà nước tỉnh theo Phụ biểu kèm theo Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện mức giá tạm thời quy định tại Quyết định này, trường hợp Bộ Y tế có văn bản quy định về phương pháp tính giá chính thức thay thế (*Quyết định số 1436/QĐ-BYT ngày 06/3/2021 và Văn bản số 4356/BYT-KHTC ngày 28/5/2021,...*); giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng trình cơ quan có thẩm quyền quy định giá chính thức làm cơ sở thanh quyết toán kinh phí đặt hàng xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định.

Điều 2. Giao Sở Y tế hướng dẫn các cơ sở y tế có năng lực xét nghiệm SARS-CoV-2 (bao gồm cả Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí) triển khai thực hiện áp dụng giá tạm thời đặt hàng xét nghiệm SARS-CoV-2 và quản lý thu chi nguồn kinh phí xét nghiệm theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1350/QĐ-UBND ngày 02/5/2021 và Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các Ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các các Cơ quan, đơn vị, địa phương và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Chính phủ;
 - Bộ Y tế;
 - TT TU, TT HĐND tỉnh;
 - CT, P1, P2, P3 UBND tỉnh;
 - Các ban HĐND tỉnh;
 - V0, V1-3, TM, VX, TH, DL;
 - Trung tâm truyền thông tỉnh;
 - Lưu: VT, TM6.
- 06 bản, QĐ01
- } (để b/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hạnh

PHỤ LỤC
QUY ĐỊNH TẠM THỜI MỨC GIÁ ĐẶT HÀNG DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM
SARS-CoV-2 BẰNG KỸ THUẬT REALTIME RT-PCR
(Kèm theo Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

TT	Danh mục	Mức giá (đồng)
I	Đối với cá nhân, tổ chức chỉ thực hiện khâu lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	
1	Giá lấy mẫu / 1 bệnh nhân mẫu đơn	117.800
II	Đối với cá nhân, tổ chức chỉ thực hiện xét nghiệm	
1	Giá xét nghiệm / 1 bệnh nhân mẫu đơn	616.200
III	Đối với cá nhân, tổ chức vừa thực hiện lấy mẫu vừa thực hiện xét nghiệm theo hình thức mẫu gộp	
1	Đối với cá nhân, tổ chức vừa thực hiện lấy mẫu vừa thực hiện xét nghiệm theo hình thức mẫu đơn	734.000
B	Mẫu gộp	
I	Đối với cá nhân, tổ chức chỉ thực hiện khâu lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	
1	Giá lấy mẫu / 1 bệnh nhân lấy mẫu	100.000
II	Đối với cá nhân, tổ chức chỉ thực hiện xét nghiệm	
2.1	Giá xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 2	317.000
2.2	Giá xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 3	211.300
2.3	Giá xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 4	158.500
2.4	Giá xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 5	126.800
2.5	Giá xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 6	105.700
2.6	Giá xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 7	90.600
2.7	Giá xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 8	79.300
2.8	Giá xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 9	70.400
2.9	Giá xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 10	63.400
III	Đối với cá nhân, tổ chức vừa thực hiện lấy mẫu vừa thực hiện xét nghiệm theo hình thức mẫu gộp	

2.1	Giá lấy mẫu, xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 2	417.000
2.2	Giá lấy mẫu, xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 3	311.300
2.3	Giá lấy mẫu, xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 4	258.500
2.4	Giá lấy mẫu, xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 5	226.800
2.5	Giá lấy mẫu, xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 6	205.700
2.6	Giá lấy mẫu, xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 7	190.600
2.7	Giá lấy mẫu, xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 8	179.300
2.8	Giá lấy mẫu, xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 9	170.400
2.9	Giá lấy mẫu, xét nghiệm/ 1 bệnh nhân làm mẫu gộp 10	163.400